

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2024/HS-ST
Ngày: 15/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống và Ông Đỗ Văn Dược

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Thị Kim H**, sinh năm 1972 tại tỉnh Đắk Lắk.

Hộ khẩu thường trú: T8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số 09 buôn E, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Phan Văn C, sinh năm: 1928 (đã chết); Con bà Trần Thị L, sinh năm: 1935 (đã chết). Bị cáo có chồng là Lại Tiên H, sinh năm: 1963 (đã chết) và 01 con tên Lại Thị Hoàng A, sinh năm: 2000, cùng trú tại: Số 09 buôn E xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1973 (có mặt); Địa chỉ: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Quách Thị T, sinh năm 1963 (có mặt); Địa chỉ: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1967 (vắng mặt); Địa chỉ: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Quách Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt); Địa chỉ: T1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phan Thị Kim H, sinh ngày 02/8/1972 trú tại: Buôn E, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến cuối năm 2023, trên địa bàn thành phố B, Phan Thị Kim H đã cho nhiều người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính. Quá trình cho vay, H sử dụng 01 cây bút loại bút bi có nhiều màu mực ghi chép lại thông tin người vay, ngày vay, gói vay, ngày đáo vào 02 quyển sổ (Loại vở học sinh có kẻ ô ly) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max, màu vàng, số imei: 357260095257647 để tính toán tiền cho vay. Hình thức cho vay và người vay cụ thể như sau:

Hình thức cho vay góp: H đưa ra các gói vay tiền là 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 15.000.000 đồng cho vay trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả cả gốc và lãi của gói vay tương đương với số tiền 4% của gói vay, thu tiền phí 4% của gói vay. Trường hợp người vay chưa trả hết số ngày của gói vay mà có nhu cầu đáo hạn gói vay, cũng theo cách thức như trên, sẽ thu phí gói vay như gói vay đầu tiên, thu tiền trừ trả hết gói vay trước, còn lại thì đưa tiền cho người vay, người vay vẫn phải trả lãi gốc trong vòng 30 ngày của gói vay mới, đến khi trả hết. Khi vay, không cần thế chấp tài sản hoặc giấy tờ gì. Ví dụ: Khi A vay 5.000.000 đồng, trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả là 200.000 đồng, tiền phí của gói vay là 200.000 đồng. Sau khi đóng đủ gói vay trong vòng 30 ngày, tổng số tiền thu được là 6.000.000 đồng và phí là 200.000 đồng. Khi A trả được 15 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, còn 15 ngày chưa trả là 3.000.000 đồng, cần đáo gói vay 5.000.000 đồng mới thì đóng phí 200.000 đồng, trừ tiền trả hết gói vay trước là 3.000.000 đồng, người vay được nhận số tiền 3.000.000 đồng và phải tiếp tục đóng trả trong vòng 30 ngày đến khi trả đủ số tiền 6.000.000 đồng kết thúc gói vay.

Hình thức vay đứng: H thỏa thuận với người vay lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Người vay có thể trả lãi theo ngày hoặc trả lãi cùng với tiền gốc khi hết hạn vay. Người vay phải viết và đưa cho bị cáo H 01 giấy vay tiền thể hiện số tiền vay, thời hạn vay. Để tránh bị lực lượng chức năng phát hiện, H yêu cầu người vay không được viết thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Ví dụ: B vay 5.000.000 đồng với hình thức vay đứng, thời hạn vay trong vòng 30 ngày thì mỗi ngày B phải trả tiền lãi là 50.000 đồng/ngày. B có thể trả tiền lãi hằng ngày cho bị cáo H, khi hết 30 ngày B phải trả

tiền gốc cho bị cáo H là 5.000.000 đồng. Hoặc đến hạn trả nợ sau 30 ngày thì B phải trả tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.500.000 đồng.

Những người vay tiền của Phan Thị Kim H gồm:

1. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1973, nơi cư trú: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay góp như sau:

Lần 1: Ngày 01/6/2023, H cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 400.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 12.400.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 12.400.000 đồng.

Lần 2: Ngày 18/12/2023 H cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 400.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 12.400.000 đồng, H đã thu được 8 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 3.600.000 đồng. Hiện còn nợ 22 ngày, tương đương số tiền 8.800.000 đồng chưa trả (trong đó bao gồm: 7.333.333,3 đồng tiền gốc và 1.466.666,6 đồng tiền lãi).

Tổng số tiền H cho chị T vay là: 20.000.000 đồng, lãi suất năm: 243,33%; Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33%: 20% = 12,17 lần. Tiền lãi hợp pháp là: 208.219.18 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 3.125.114.16 đồng.

2. Chị Quách Thị T, sinh năm 1963, nơi cư trú: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay tiền góp cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 02/7/2023, H cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 6.200.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 6.200.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/7/2023, H cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 6.200.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 6.200.000 đồng.

Tổng số tiền H cho chị T vay là: 10.000.000 đồng, lãi suất năm: 243,33%. Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33%: 20% = 12,17 lần. Tiền lãi hợp pháp là: 164,383,56 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 2.235.616,44 đồng.

3. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1967, nơi cư trú: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, chị N vay tiền của H bằng hình thức vay góp và vay đứng, cụ thể:

- Đối với hình thức vay góp:

Khoản vay thứ nhất:

Lần 1: Ngày 10/9/2023, H cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 400.000 đồng, tổng số tiền

gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 12.400.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 12.400.000 đồng.

Lần 2: Ngày 10/10/2023, H cho vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 600.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 18.600.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 18.600.000 đồng.

Lần 3: Ngày 10/11/2023, H cho vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 600.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 18.600.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 18.600.000 đồng.

Lần 4: Ngày 10/12/2023, H cho vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 600.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 18.600.000 đồng, H đã thu được 20 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 12.600.000 đồng. Hiện còn nợ 10 ngày, tương đương số tiền 6.000.000 đồng chưa trả.

Khoản vay thứ hai:

Lần 1: Ngày 20/9/2023, H cho vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 600.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 18.600.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 18.600.000 đồng.

Lần 2: Ngày 20/10/2023 H cho vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 600.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 18.600.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 18.600.000 đồng.

Lần 3: Ngày 20/11/2023 H cho vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 600.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 18.600.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu đủ 30 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 18.600.000 đồng.

Lần 4: Ngày 20/12/2023 H cho vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, thu phí 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 600.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi, phí khi đóng xong sẽ là 18.600.000 đồng, H đã thu được 10 ngày với số tiền cả gốc và lãi, phí là: 6.600.000 đồng. Hiện còn nợ 20 ngày, tương đương số tiền 12.000.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền H cho bà N vay góp là 115.000.000 đồng. Lãi suất năm: 243,33%. Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,1\% = 12,1\%$ lần. Tiền lãi hợp pháp là: 1.643.835,62 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 22.956.164,38 đồng.

- Đối với hình thức vay đứng: Ngày 15/8/2023, H cho chị N vay số tiền 150.000.000 đồng trong vòng 01 tháng, số tiền lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tức là với số tiền 150.000.000 đồng vay thì chị N phải trả số tiền lãi suất cho bị cáo H là 1.500.000 đồng/ngày. Đến ngày 15/9/2023 H đã thu đủ số tiền

gốc và lãi từ chị N số tiền là 195.000.000 đồng, trong đó gồm: 150.000.000 đồng tiền gốc và 45.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền H cho chị N vay là: 150.000.000 đồng. Lãi suất năm: 365%. Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18.25$ lần. Tiền lãi cho phép là: 465.753,42 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 42.534.246,58 đồng.

4. Chị Quách Thị H, sinh năm 1972, nơi cư trú: T1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: Ngày 12/8/2023 H cho chị H vay số tiền 50.000.000 đồng trong vòng 01 tháng, số tiền lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tức là với số tiền 50.000.000 đồng vay thì chị H phải trả số tiền lãi suất cho H là 500.000 đồng/ngày. Đến ngày 12/9/2023 H đã thu tiền lãi từ chị H số tiền là 15.000.000 đồng. Hiện tiền gốc là số tiền 50.000.000 đồng thì chị H vẫn đang nợ H. Tổng số tiền H cho chị H vay đúng là: 50.000.000 đồng. Lãi suất năm: 365%. Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18.25$ lần. Tiền lãi cho phép là: 821.917.81 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 14.178.082.19 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Phan Thị Kim H đã cho vay là: 345.000.000 đồng, lãi suất: Từ 243,33% đến 365% (gấp từ 12,17 lần đến 18,25 lần lãi suất cho phép của Nhà nước). Tổng số tiền thu lợi bất chính: 85.029.223.75 đồng.

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ: 01 quyển sổ (loại vở có kẻ ô ly), mặt bìa phía trước của sổ có dán nhãn có ghi chữ viết “L”, mặt bìa phía sau của sổ có dán nhãn có ghi chữ viết “C. T ”, ở trang cuối cùng của sổ có kẻ ô ly, có viết chữ và số; 01 quyển sổ (loại vở có kẻ ô ly), mặt bìa phía trước của sổ có dán nhãn có ghi chữ viết “C.N”, ở trang đầu tiên của sổ có viết chữ và số; 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng, số imei: 357260095257647, đã qua sử dụng. Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam số tiền 1.980.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 125/CT-VKS ngày 19/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố Phan Thị Kim H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị Kim H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. B đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phan Thị Kim H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Kim H mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung Phan Thị Kim H từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Về phần xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max số imei: 357260095257647, đã qua sử dụng, là tài sản bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 1.980.000 đồng, là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với 01 cây bút loại bút bi có nhiều màu mực mà Hân sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình sử dụng Hân đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

-Về phần trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Phan Thị Kim H phải trả lại tổng số tiền 85.029.223 đồng (làm tròn), là tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho chị Bùi Thị T số tiền 3.125.114 đồng (làm tròn); trả cho chị Quách Thị T số tiền 2.235.616 đồng (làm tròn); trả cho chị Quách Thị H số tiền 14.178.082 đồng (làm tròn); trả cho chị Bùi Thị N số tiền 65.490.410 đồng (làm tròn).

- Đề nghị truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Phan Thị Kim H tổng số tiền 277.970.776 đồng (làm tròn) (trong đó, số tiền 272.666.666.7 đồng là tiền gốc người vay đã trả, số tiền 5.304.109 đồng là tiền lãi theo quy định).

- Đề nghị buộc chị Bùi Thị T nộp số tiền 7.333.333.3 đồng; Chị Quách Thị H nộp số tiền 50.000.000 đồng; Chị Bùi Thị N nộp số tiền 15.000.000 đồng, là số tiền gốc mà bị cáo Phan Thị Kim H cho chị T, chị H và chị N vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để sung Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa tranh luận gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023, trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Phan Thị Kim H đã cho nhiều người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính, cụ thể: Bị cáo cho bà Bùi Thị T, bà Quách Thị T, bà Bùi Thị N, bà Quách Thị H, vay tổng số tiền 345.000.000 đồng, lãi suất: Từ 243,33% đến 365%, vượt gấp từ 12,17 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính: 85.029.223 đồng thì bị phát hiện xử lý. Xác định tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là: 85.029.223 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã thực hiện hành vi cho vay với mức lãi suất cao từ 243,33% đến 365%, vượt gấp từ 12,17 lần đến 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính 85.029.223 đồng. Do đó bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phan Thị Kim H theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[3] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó Hội

đồng xét xử xét thấy cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, HĐXX thấy cần thiết xử phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo H, một số tiền thích hợp để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[5] Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: Xét thấy, bị cáo H không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

* *Về phân xử lý vật chứng*: Cần tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max số imei: 357260095257647, đã qua sử dụng, là tài sản bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Cần trả lại cho bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 1.980.000 đồng, là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với 01 cây bút loại bút bi có nhiều màu mực mà bị cáo H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình sử dụng bị cáo H đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

* *Về phân trách nhiệm dân sự*: Cần buộc bị cáo Phan Thị Kim H phải trả lại tổng số tiền 85.029.223 đồng (làm tròn), là tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho bà Bùi Thị T số tiền 3.125.114 đồng; trả cho bà Quách Thị T số tiền 2.235.616 đồng (làm tròn); trả cho bà Quách Thị H số tiền 14.178.082 đồng (làm tròn); trả cho bà Bùi Thị N số tiền 65.490.410 đồng (làm tròn).

- Cần truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Phan Thị Kim H tổng số tiền 277.970.776 đồng (trong đó, số tiền 272.666.666. đồng là tiền gốc người vay đã trả, số tiền 5.304.109 đồng (làm tròn) là tiền lãi theo quy định).

- Cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền cụ thể: Bà Bùi Thị T nộp số tiền 7.333.333 đồng; Bà Quách Thị H nộp số tiền 50.000.000 đồng; Bà Bùi Thị N nộp số tiền 15.000.000 đồng, là số tiền gốc mà bị cáo Phan Thị Kim H cho bà T, bà H và bà N vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để sung Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Phan Thị Kim H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả lại. Cụ thể: 85.029.223 đồng x 5% = 4.251.461 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Kim H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim H 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành 01 năm 11 tháng 03 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phan Thị Kim H cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo H phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phan Thị Kim H.

*Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự

+ Phạt bổ sung bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-*Về phần xử lý vật chứng*: Tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max số imei: 357260095257647, đã qua sử dụng, là tài sản bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 1.980.000 đồng (Một triệu, chín trăm, tám mươi ngàn đồng), là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với 01 cây bút loại bút bi có nhiều màu mực mà bị cáo H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình sử dụng bị cáo H đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

-*Về phần trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo Phan Thị Kim H phải trả lại tổng số tiền 85.029.223 đồng (làm tròn), là tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho bà Bùi Thị T số tiền 3.125.114 đồng; trả cho bà Quách Thị T số tiền 2.235.616 đồng; trả cho bà Quách Thị H số tiền 14.178.082 đồng; trả cho bà Bùi Thị N số tiền 65.490.410 đồng.

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Phan Thị Kim H tổng số tiền 277.970.776 đồng (làm tròn) (trong đó, số tiền 272.666.666 đồng là tiền gốc người vay đã trả, số tiền 5.304.109 đồng là tiền lãi theo quy định).

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền cụ thể: Bà Bùi Thị T nộp số tiền 7.333.333 đồng; Bà Quách Thị H nộp số tiền 50.000.000 đồng; Bà Bùi Thị N nộp số tiền 15.000.000 đồng, là số tiền gốc mà bị cáo Phan Thị Kim H cho bà T, bà H và bà N vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, để sung Ngân sách Nhà nước.

**Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thị Kim H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.251.461 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. B;
- Công an thành phố B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS TP. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

